

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2018
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hà – Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra huyện ủy Tuy Phong
2. Trần Thị Ngọc Linh – Bí thư xã Phước Thề

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L – sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm A, xã Hòa M, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Lê Xuân T – sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 và các lời khai tại Tòa án Huỳnh Thị Kim L trình bày: Bà và ông Lê Xuân T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng bà nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo luật định.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống tại nhà cha mẹ ông T, ở được 02 năm thì vợ chồng dọn ra sống riêng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc.

Năm 2004 vợ chồng đến UBND thị trấn P để đăng ký kết hôn, năm 2010 vợ chồng về xã H ở từ đó đến nay.

Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt say sưa, cứ mỗi lần say về là hành hung đánh đập bà. Đã nhiều lần bà báo sự việc này với xã Hòa Minh để nhờ can thiệp nhưng Công an xã H chỉ giáo dục rồi cho về chứ không lập biên vi phạm đối với ông T. Sau những lần được Công an mời, bản thân ông T không thay đổi mà lại còn càn quấy hơn trước, xúc phạm đến cha mẹ của bà. Vì các con bà đã nhiều lần khuyên ông T thay đổi tính tình nhưng không được nên tháng 02/2018 đến nay mẹ con bà thuê nhà ở riêng vì bị ông T thường xuyên đánh đập. Ông T có đôi lần đến năn nỉ bà trở về nhưng bà không đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không thể trở về với ông T để xây dựng cuộc sống hạnh phúc, bà có đơn xin được ly hôn với ông Lê Xuân T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lê Xuân T1 – sinh năm 1994 và Lê Quỳnh Như N – sinh ngày 24/11/2003, hiện Thành đã có gia đình riêng, Ngọc đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục Ngọc đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo các biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Lê Xuân T trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Kim L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, không đăng ký kết hôn vì ông không hiểu biết pháp luật nhưng hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ của ông, ở được 02 năm thì vợ chồng ra riêng. Năm 2004 vợ chồng đến UBND thị trấn P để đăng ký kết hôn, năm 2010 vợ chồng về xã H ở từ đó đến nay.

Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn do ông nhậu nhẹt say sưa nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi lần như vậy ông chỉ xúc phạm vợ con, tát vài tát tai nhưng không đánh đập vợ. Công an xã H có mời ông làm việc về sự việc xúc phạm vợ con, có giáo dục nhưng ông chưa sửa đổi được tính tình của mình. Tháng 02/2018 vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, ông xúc phạm cha mẹ bà L nên bà L cùng các con thuê nhà tại xã P1, huyện B ở từ đó đến nay.

Hiện nay bản thân ông nhận ra lỗi và đã nhiều lần đến chỗ bà L thuê trọ để năn nỉ bà L trở về đoàn tụ vì ông còn thương vợ con, nhưng bà L không đồng ý trở về về đoàn tụ. Nguyên vọng của ông là mong bà L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nên bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lê Xuân T1 – sinh năm 1994 và Lê Quỳnh Như N – sinh ngày 24/11/2003, hiện Thành đã có gia đình ở riêng, Ngọc đang ở với bà L, ông đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục Ngọc đến khi trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà và ông Lê Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân là hợp pháp, Quá trình chung sống do ông T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt say sưa, cứ mỗi lần say về là hành hung đánh đập cũng như xúc phạm đến bà cùng gia đình của bà cũng. Đã nhiều lần bà báo sự việc này với xã H để nhờ can thiệp, UBND xã H có giáo dục nhưng ông T không thay đổi mà lại còn càn quấy hơn. Vì các con bà đã nhiều lần khuyên răn ông T thay đổi nhưng vẫn tính nết bất hiếu chứng tỏ ông không còn tôn trọng bà L, không có thiện chí xây dựng một gia đình hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng với ông T không còn nữa, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T.

Ông T thì không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L khi ông xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng ông xuất phát từ nguyên nhân do ông nhậu nhẹt say sưa, đánh đập, xúc phạm đến bà L cũng như cha mẹ của bà L, được chính quyền địa phương

giáo dục nhưng ông vẫn không thay đổi được tính tình. Tháng 02/2018 vợ chồng chấm dứt quan hệ, bà L cùng các con thuê nhà ở riêng, ông nhiều lần đến năn nỉ bà L để được đoàn tụ nhưng không được bà L đồng ý, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà L đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lê Xuân T1 – sinh năm 1994 và Lê Quỳnh Như N – sinh ngày 24/11/2003, hiện Thành đã có gia đình sống riêng, Ngọc đang ở với bà L, bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục Ngọc đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đồng ý yêu cầu của bà L cũng như ý kiến của Ngọc mong được tiếp tục sống cùng mẹ, HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Huỳnh Thị Kim L được ly hôn với ông T.

3/ Về con chung: vợ chồng có 02 con chung:

- Lê Xuân T1 – sinh năm 1994 đã trưởng thành;

- Lê Quỳnh Như N – sinh ngày 24/11/2003, giao cho bà L nuôi dưỡng và giáo dục Ngọc cho đến khi trưởng thành, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà L không được cản trở ông T việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm . Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0019042 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà L đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Đặng Thị Thu Trang